

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC VIETSING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC VIETSING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110237072

**3. Ngày thành lập:** 19/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 321, Khu thương mại, Tháp Đông, Chung Cư học viện Quốc Phòng, đường Xuân Tảo, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 943 8888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.                                                                                                                  | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán thực phẩm, - Buôn bán chè và cà phê.                                                                                                                                | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: - Buôn bán đồ pha để uống.                                                                                                                                                    | 4633        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Mua bán các trang thiết bị, dụng cụ y tế.                                                                                                    | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất khác Bán buôn hoá chất , sinh phẩm dùng trong y tế Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                     | 8299        |
| 8.  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế                                                                                                                                                                      | 8610        |
| 9.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: - Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa - Dịch vụ khám chữa bệnh.                                                    | 8620(Chính) |
| 10. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                               | 9610        |
| 11. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                   | 9631        |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Đầu tư, kinh doanh bất động sản.                                                                       | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: - Cho thuê xe ô tô.                                                                                                                                                                           | 7710 |
| 14. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm hoá chất, sinh phẩm dùng trong y tế.                                                                                                        | 2029 |
| 15. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn.                                                                                                                                                        | 2100 |
| 16. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                   | 4921 |
| 17. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                          | 4922 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                               | 4931 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ | 4933 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                         | 5510 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: - Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát, nước giải khát.                                                                                                  | 5610 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Dịch vụ cho thuê thiết bị y tế;                                                                                                     | 7730 |
| 24. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: - Sản xuất các trang thiết bị, dụng cụ y tế.                                                                                             | 3250 |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất chè và cà phê, đồ pha để uống.                                                                                                                                       | 3290 |
| 26. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ sửa chữa thiết bị y tế.                                                                                                                                                             | 3319 |
| 27. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh môi trường, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế. - Dịch vụ xử lý các chất thải lỏng, chất thải rắn                  | 3900 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông                           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN Y HỌC<br>RẠNG ĐÔNG | 83B Lý Thường<br>Kiệt, Phường<br>Trần Hưng Đạo,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 15,000       | 0101093321                                                                                                             |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN TUẤN<br>ANH                      | Tập thể Ô tô 3-2 -<br>Tổ 1, Phường<br>Phương Mai,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 1,000        | 0010700143<br>45                                                                                                       |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                       |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                           |                           |           |                |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN MINH SƠN | Số 8 lô C1 KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.680.000 | 16.800.000.000 | 84,000 | 001067009999 |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 1.680.000 | 16.800.000.000 | 84,000 |              |
|   |                 |                                                                                           |                           |           |                |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067009999

Ngày cấp: 16/05/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 8 lô C1 KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8 lô C1 KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội